

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2020/HS-ST
Ngày : 29/12/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Muôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hương Thủy.
2. Bà Phạm Thị Ngọc Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 99/2020/TLST-HS ngày 03/12/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2020/QĐXXST-HS ngày 15/12/2020, đối với các bị cáo:

1. Trương Văn T (tên gọi khác: Cu Lý), sinh năm: 1985, tại Cà Mau; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường A, phường B, huyện C, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Không cố định; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con Trương Văn V, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966; bị cáo là con lớn nhất trong gia đình có 03 anh em; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16/12/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử phạt 08 (tám) năm tù về tội “Cướp tài sản”, theo Bản án số: 213/2009/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/10/2017.

Tiền án: Ngày 06/7/2009, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, theo Bản án số: 28/HSST.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Trương Văn L, sinh năm: 1987, tại tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường A, phường B, huyện C, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Không cố định; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con Trương Văn V, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966; bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 anh em; vợ tên Lê Thị O, sinh năm: 1991 (chưa đăng ký kết hôn); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 17/01/2008, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xử phạt 05 tháng 28 ngày tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo Bản án số: 02/2008/HSST.

- Ngày 26/12/2016, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số: 522/2006/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/02/2017.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Thị O, sinh năm: 1991, tại tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường A, phường B, huyện C, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Không cố định; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con Lê Văn C, sinh năm 1960 và bà Trần Thị L, sinh năm 1966; bị cáo là con út trong gia đình có 02 anh em; chồng tên Trương Văn L, sinh năm: 1987 (chưa đăng ký kết hôn); bị cáo có 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Nhà không số, đường Mai Chí Thọ, Khu phố 1, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn T và Trương Văn L là hai anh em ruột, còn Lê Thị O chung sống như vợ chồng với L. Do T thường xuyên đến vừa phế liệu tại địa chỉ: Nhà không số, đường Mai Chí Thọ, Khu phố 1, phường An Phú, Quận 2 của bà Nguyễn Thị T nên phát hiện bà T thường xuyên dựng một xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha màu trắng biển số 94G1-101.68 tại vừa phế liệu nên T rủ L và O lấy trộm để bán lấy tiền tiêu xài, L và O đồng ý. Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 01/5/2020, T điều khiển xe mô tô màu xanh biển số 64K3-6022 đến vừa phế liệu của bà T trước, sau đó L chở O bằng xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 69E1-183.26 của O đến vừa phế liệu của bà T. Tại đây, phát hiện xe mô tô của bà T có cắm sẵn chìa khóa nên T giả vờ hỏi mua đồ điện còn L và O giả vờ hỏi bà T để mua xe máy cũ đã qua sử dụng nhằm làm cho bà T mất cảnh giác để lấy trộm xe mô tô, nhưng do bà T không bán và cảnh giác nên cả nhóm không lấy trộm được xe. Do vậy, L chở O đi ra ngoài, khi đi đến ngã 4 đường Mai Chí Thọ - Nguyễn Thị Định, O nhận được tin nhắn từ T với nội dung “đi từ từ lại rình bà rồi vô lấy chìa khóa có sẵn trên xe luôn đó”. O nói L quay lại vừa phế liệu. Khi đến nơi, O đứng bên ngoài đợi, còn L đi vào lén lút lấy trộm xe mô tô của bà T lúi ra ngoài đường, bà T phát hiện tri hô “Cướp, cướp” nhưng L đã nổ máy tẩu thoát về hướng hầm Thủ Thiêm. T từ trong vừa phế liệu chạy ra, bà T truy hô để mọi người giữ T và O lại rồi báo cho Công an phường An Phú, Quận 2 xử lý.

Sau khi lấy trộm xe mô tô của bà T, L bán xe cho một người tên Nguyễn (không rõ lai lịch) tại vỉa hè trước nhà số nhà 78, Võ Văn Kiệt, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 được 3.000.000 (ba triệu) đồng và tiêu xài hết rồi bỏ trốn, sống lang thang nhiều nơi. Đến ngày 16/7/2020, Công an huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau phát hiện giữ L lại và bàn giao cho Cơ quan điều tra Công an Quận 2 theo thông báo truy tìm của Cơ quan điều tra Công an Quận 2.

Đối với Trương Văn T và Lê Thị O do có sử dụng ma túy, không nơi cư trú nhất định nên ngày 02/5/2020, Ủy ban nhân dân phường An Phú, Quận 2 ra Quyết định đưa người nghiện ma túy vào Cơ sở xã hội Thanh thiếu niên 2 để quản lý cắt cơn, giải độc theo quy định.

Ngày 20/5/2020, Ủy ban nhân dân phường An Phú, Quận 2 ra Quyết định hủy quyết định đưa người nghiện ma túy vào cơ sở xã hội Thanh thiếu niên 2 đối với Lê Thị O do đương sự có thai. Sau đó, O được trở về địa phương sinh sống.

Ngày 29/6/2020, Ủy ban Nhân dân phường An Phú, Quận 2 ra Quyết định Hủy quyết định đưa người nghiện ma túy vào Cơ sở xã hội Thanh thiếu niên 2 đối với Trương Văn T do đương sự có nơi cư trú ổn định tại địa phương. Sau đó,

T được trở về địa phương sinh sống rồi bỏ trốn. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 2 đã ra Quyết định truy nã bị can đến ngày 09/10/2020 thì bắt được.

Kết luận định giá tài sản số 110/KLĐG-HĐĐGTS ngày 12/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân Quận 2 kết luận: Chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha biển số 94G1-101.68 trị giá 6.633.000 (Ba triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 69E1-183.26; 01 giấy đăng ký xe biển số 69E1-183.26 mang tên Lê Thị O sở hữu và sử dụng vào việc phạm tội.

- 01 xe mô tô biển số 64K3-6022, qua xác minh biển số 64K3-6022 do anh Đặng Văn Vui, ngụ tại tỉnh Vĩnh Long đứng tên chủ sở hữu, anh Vui đã bán xe cho một người không rõ lai lịch, qua tra cứu thì xe mô tô nêu trên không có trong dữ liệu xe vật chứng.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, 01 điện thoại di động hiệu Vivo và 01 điện thoại di động hiệu Oppo 3AS, đây là điện thoại của T và O sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội.

Cáo trạng số: 93/CT-VKSQ2 ngày 25/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Trương Văn T, Trương Văn L và Lê Thị O về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 vẫn giữ quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17 và 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Trương Văn T từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Trương Văn L từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s, n khoản 1 Điều 51; Điều 17 và 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Lê Thị O từ 09 (chín) tháng

từ đến 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Thị O đã bồi thường cho bị hại là bà Nguyễn Thị T số tiền 6.633.000 (Ba triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn) đồng, bà T không yêu cầu gì thêm nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa:

Phản tranh luận, các bị cáo T và L thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và luận tội của kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đã biết lỗi về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại là bà Nguyễn Thị T vắng mặt. Ngày 21/12/2020, bị cáo Lê Thị O có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do sắp sinh con và đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng. Xét thấy, việc vắng mặt bị cáo và bị hại không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên căn cứ điểm d khoản 2 Điều 290 và khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo O và bị hại.

[2] Về hành vi:

Xét tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ... cùng các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra về hành vi, thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nên có cơ sở xác định:

Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 01/5/2020, tại vừa phở liệu không số, đường Mai Chí Thọ, phường An Phú, Quận 2, Trương Văn T, Trương Văn L và Lê Thị O đã cùng nhau thực hiện hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Honda Wave Anpha, biển số 94G1-101.68 của bà Nguyễn Thị T có trị giá 6.633.000 (sáu triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

Các bị cáo là những người đủ 18 tuổi, có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên đã cố ý, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, mất an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Hành vi của các bị cáo thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Vụ án có đồng phạm, trong đó Trương Văn T đóng vai trò là người khởi xướng, xúi giục và rủ rê; Trương Văn L là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm xe máy; Lê Thị O là người đi cùng giúp sức, cảnh giới để L thực hiện đến cùng hành vi phạm tội. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt trị giá là 6.633.000 (Ba triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn) đồng nên thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng:

- Bị cáo T đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự. Đây tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo L và O không có tình tiết tăng nặng khác.

Về tình tiết giảm nhẹ:

- Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo O phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tích cực bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; phạm tội khi đang có thai nên được áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trương Văn T, Trương Văn L có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án về hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản; bị cáo T và O có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; các bị cáo không có nghề nghiệp, không có nơi cư trú ổn định; sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị cáo T và L đã bỏ trốn nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Nguyễn Thị T đã nhận số tiền 6.633.000 (Ba triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn) đồng do bị cáo O bồi thường, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 69E1-183.26; 01 (một) giấy đăng ký xe biển số 69E1-183.26 do bị cáo Lê Thị O đứng tên sở hữu. Xét đây là tài sản mà bị cáo O sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo và 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo 3AS. Xét đây là tài sản bị cáo T và O sử dụng làm phương tiện liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Xét đối với chiếc xe mô tô biển số 64K3-6022, qua xác minh biển số này do anh Đặng Văn Vui, ngụ tại tỉnh Vĩnh Long đứng tên chủ sở hữu, anh Vui đã bán xe cho một người không rõ lai lịch, tra cứu không có trong dữ liệu xe vật chứng. Do đó, giao Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để tìm chủ sở hữu chiếc xe trong thời hạn 03 (ba) tháng, kể từ ngày thông báo. Quá thời hạn này, nếu không xác định được chủ sở hữu thì tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố các bị cáo **Trương Văn T, Trương Văn L** và **Lê Thị O** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trương Văn T**: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trương Văn L**: 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, i, s, n khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Thị O**: 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 61/2020/HSS-BPNC ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo O cho đến khi nhận được quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 69E1-183.26, số máy: JF27E0288237, số khung: 1803AY247884;

+ 01 (một) Giấy đăng ký xe biển số 69E1-183.26, mang tên Lê Thị O;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia mặt trước màu đen, mặt sau màu cam;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo mặt trước màu đen, mặt sau màu đỏ;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo 3AS, màu đỏ, imel 1: 869347034023734, imel 2: 869347034023726 và 01 sim 4G.

- Giao Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để tìm chủ sở hữu chiếc xe mô tô

biển số 64K3-6022 trong thời hạn 03 (ba) tháng, kể từ ngày đăng báo. Quá thời hạn này, nếu không xác định được chủ sở hữu thì tịch thu sung quỹ Nhà nước

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 45/QĐ-VKSQ2 ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 và Biên bản giao nhận vật chứng số: 010/21 ngày 03/12/2020 giữa Công an Quận 2 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 và Mục 1 phần I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (*Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/2016/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016*):

Buộc các bị cáo Trương Văn T, Trương Văn L và Lê Thị O, mỗi bị cáo nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo Trương Văn T, Trương Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bị cáo Lê Thị O, bị hại Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Công an Quận 2;
- Phòng PV06 - Công an Tp.Hồ Chí Minh;
- Phòng PC10 - Công an Tp.Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Muôn